

**ĐA DẠNG HỌ ĐẬU (FABACEAE)  
Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ HOẠT, NGHỆ AN**

**Phạm Hồng Ban<sup>1</sup>, Nguyễn Danh Hùng<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Trường Đại học Vinh*

<sup>2</sup>*Học viện Khoa học và Công nghệ,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Trong các họ cây của nước ta cũng như trên thế giới, họ Đậu (Fabaceae) có khoảng 18.000 loài, đây là một trong những họ lớn và phổ biến. Trên cơ sở những công trình nghiên cứu trong nước và trên thế giới đã công bố gần đây, Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) đã thống kê các họ đa dạng nhất của hệ thực vật Việt Nam trong đó họ Đậu có 400 loài, Nguyễn Tiên Bân (chủ biên) và cs (2003) đã thống kê họ Đậu (gồm cả 3 họ Fabaceae, Caesalpiniaceae và Mimosaceae) có khoảng 600 loài chỉ đứng sau họ Orchidaceae (hơn 800 loài). Đây cũng là họ phức tạp nhất bao gồm đầy đủ các dạng sống từ cây gỗ lớn đến cây thảo hay dây leo. Nhiều loài cây trong họ này có ý nghĩa to lớn đối với nền kinh tế quốc dân bởi nhiều công dụng khác nhau, như cho gỗ, làm thuốc, làm cảnh, làm thức ăn,... rất có ý nghĩa đối với đời sống con người (Nguyễn Tiên Bân (chủ biên) và cs, 2003; Võ Văn Chi, 2012).

Vì vậy, việc điều tra, nghiên cứu các loài thực vật họ Đậu cũng như toàn bộ các loài trong hệ thực vật càng trở nên cấp thiết hơn. Bài báo này, chúng tôi đưa ra một số dẫn liệu về tính đa dạng họ Đậu ở Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Pù Hoạt để làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên ở khu vực nghiên cứu.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Thu mẫu, xử lý mẫu: Tiến hành theo phương pháp thông dụng hiện hành (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997). Thời gian được thực hiện từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 3 năm 2017.

Xác định tên khoa học: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào các khóa định loại, các bản mô tả trong các tài liệu: *Cây cỏ Việt Nam* của Phạm Hoàng Hộ (1999), Nguyễn Tiên Bân (1997).

Chỉnh lý tên khoa học và sắp xếp danh lục thực vật theo tài liệu *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*. Đánh giá dạng sống theo Raunkiaer (1934).

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**1. Thành phần loài họ Đậu (Fabaceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An**

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 85 loài của họ Đậu (Fabaceae) gồm 32 chi thuộc 3 phân họ có mặt tại vùng nghiên cứu, các chi được tìm thấy có số lượng từ 1-15 loài (bảng 1).

*Bảng 1*

**Danh lục các loài thực vật thuộc họ Đậu (Fabaceae) ở Khu BTTN Pù Hoạt, Nghệ An**

T	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Giá trị sử dụng
	<b>Subfam.1. Caesalpinioideae</b>	<b>Họ Vang</b>		
1	<i>Bauhinia clemensiorum</i> Merr.	Móng bò clemen	Lp	
2	<i>Bauhinia coccinea</i> (Lour.) DC.	Móng bò hoa đỏ	Lp	
3	<i>Bauhinia corymbosa</i> Roxb. ex DC.	Móng bò ngù	Lp	
4	<i>Bauhinia oxysipala</i> Gagn.	Móng bò dài nhọn	Lp	M,Or

TIÊU BAN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO TỒN

5	<i>Bauhinia curtisii</i> Prain	Dây máu	Lp	M
6	<i>Bauhinia glauca</i> (Wall. ex Benth.) Benth. ssp. <i>tenuiflora</i> (Watt ex C. B Clarke) K. et S. S. Larsen	Móng bò mốc	Lp	M
7	<i>Bauhinia lakhonensis</i> Gagn.	Móng bò la khon	Lp	M
8	<i>Bauhinia malabarica</i> Roxb.	Móng bò tai voi	Me	M,T
9	<i>Bauhinia monandra</i> Kurz	Móng bò đơn hung	Me	M,T
10	<i>Bauhinia ornata</i> Kurz	Móng bò trâu	Lp	
11	<i>Bauhinia ornata</i> var. <i>balansae</i> (Gagn.) K.& S. S. Larsen	Máu đỏ	Lp	Or
12	<i>Bauhinia penicilliloba</i> Pierre ex Gagn.	Móng bò hoa vàng	Na	M,Or
13	<i>Bauhinia rubro-villosa</i> K. et S. S. Larsen	Móng bò lông đỏ	Lp	M
14	<i>Bauhinia saigonensis</i> var. <i>poilanei</i> K. & S. S. Larsen	Dây máu	Lp	
15	<i>Bauhinia variegata</i> L.	Móng bò sọc	Mi	M,Or,T
16	<i>Caesalpinia bonduc</i> (L.) Roxb.	Vuốt hùm	Lp	M
17	<i>Caesalpinia crista</i> L.	Điệp xoan	Mi	M
18	<i>Caesalpinia latisiliqua</i> (Cav.) Hatt.	Vầu điều	LP	
19	<i>Caesalpinia mimosoides</i> Lam.	Muồng trinh nữ	Mi	M
20	<i>Caesalpinia minax</i> Hance	Móc mè	Mi	M
21	<i>Caesalpinia pubescens</i> (Desf.) Hattink	Me tiên	Mi	
22	<i>Caesalpinia sappan</i> L.	Tô mộc	Me	M,T
23	<i>Cassia javanica</i> L.	Muồng hoa đào	Me	M,Or,T
24	<i>Cassia fistula</i> L.	Muồng hoàng yến	Me	M,T
25	<i>Peltophorum dasyrrachis</i> (Miq.) Kurz	Hoàng linh	Mg	M,T
26	<i>Saraca dives</i> Pierre	Vàng anh	Me	M,Or,T
27	<i>Senna alata</i> (L.) Roxb.	Muồng trâu	Na	M,F
28	<i>Senna hirsuta</i> (L.) Irwin & Barneby	Muồng lông	Na	M,F
29	<i>Sindora tonkinensis</i> A. Chev. ex K. et S. S. Larsen	Gỗ lau	Mg	T
30	<i>Tamarindus indica</i> L.	Me	Me	M
	<b>Subfam.2. Mimosoideae</b>	<b>Họ Trinh nữ</b>		
31	<i>Adenanthera pavonina</i> L. var. <i>pavonina</i>	Trạch quạch	Me	M,T
32	<i>Adenanthera pavonina</i> var. <i>microsperma</i> (Teysm. & Binn.) I. Nielsen	Trạch quạch hạt nhỏ	Mi	M
33	<i>Albizia chinensis</i> (Osbeck) Merr.	Sóng rấn trung quốc	Mg	M,T
34	<i>Archidendron laoticum</i> (Gagn.) I. Nielsen	Mán đĩa lào	Me	T
35	<i>Archidendron balansae</i> (Oliv.) I. Nielsen	Cút ngựa	Me	T
36	<i>Archidendron clypearia</i> (Jack.) I. Nielsen	Mán đĩa	Me	M,T
37	<i>Enterolobium cyclocarpum</i> (Jacq.) Griseb.	Phèo heo	Me	M,T,F
38	<i>Mimosa pudica</i> L.	Trinh nữ	Na	M
	<b>Subfam.3. Faboideae</b>	<b>Họ Đậu</b>		
39	<i>Abrus mollis</i> Hance	Cơm thảo mềm	Lp	
40	<i>Apios carnea</i> (Wall.) Baker	Căn lê	Lp	M
41	<i>Bowringia callicarpa</i> Champ.	Dây gan	Lp	M
42	<i>Canavalia cathartica</i> Thouars	Đậu đao	Ch	M
43	<i>Crotalaria incana</i> L.	Lục lạc trắng	Th	F
44	<i>Crotalaria pallida</i> Aiton	Lục lạc lá tròn	Th	M,F
45	<i>Crotalaria quinquefolia</i> L.	Lục lạc năm lá	Th	M,F

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 7

46	<i>Zenia insignis</i> Chun	Muồng đỏ	Me	M
47	<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre	Trắc	Me	T
48	<i>Dalbergia hancei</i> Benth.	Trắc hance	Me	M
49	<i>Dalbergia lanceolaria</i> L.f. var. <i>lakhonensis</i> (Gagn.) P. H. Hồ et Niyomdham	Trắc mũi giáo	Me	M,T
50	<i>Dalbergia stipulacea</i> Roxb.	Trắc lá kèm	Me	M,T
51	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Trắc thối	Me	T
52	<i>Dalbergia vietnamensis</i> PhạmHoang	Trắc việt	Lp	
53	<i>Dalbergia volubilis</i> Roxb.	Trắc leo	Lp	M
54	<i>Dalbergia yunnanensis</i> Franch.	Trắc vân nam	Mi	T
55	<i>Derris brevipes</i> (Benth.) Baker.	Cóc kèn chân ngắn	Me	T
56	<i>Derris elliptica</i> (Sw.) Benth.	Cổ rùa	Lp	M,Mp
57	<i>Derris gemmifera</i> Thuần	Cóc kèn có chôi	Me	T
58	<i>Derris marginata</i> (Roxb.)Benth.	Cóc kèn bìa	Mi	M
59	<i>Derris robusta</i> (Roxb. ex A. DC.) Benth.	Cóc kèn nhiều lá	Lp	
60	<i>Desmodium laxum</i> DC.	Tràng quả thưa	Ch	M
61	<i>Desmodium megaphyllum</i> Zoll.	Tràng quả lá to	Ch	
62	<i>Desmodium triflorum</i> (L.) DC.	Hàn the ba hoa	Hm	M
63	<i>Desmodium triquetrum</i> (L.) DC.	Tràng hạt quả ba cạnh	Ch	
64	<i>Dialium cochinchinense</i> Pierre	Xoay	Mg	T
65	<i>Erythrina stricta</i> Roxb.	Vông hoa hẹp	Me	M
66	<i>Erythrina variegata</i> L.	Sắn dây rừng	LP	M
67	<i>Gleditsia fera</i> (Lour.) Merr.	Bồ kết nhỏ	Mi	M
68	<i>Lonchocarpus sericeus</i> (Poir.) Kunth ex A. DC.	Tiền quả	Me	M
69	<i>Millettia auriculata</i> Baker ex Brandis .f. <i>extensa</i> (Benth.) Dunn	Mát tai	Me	M,T
70	<i>Millettia brandisiana</i> Kurz	Mát brandis	Mi	T
71	<i>Millettia nigrescens</i> Gagnep.	Mát đen	Me	M,T,Mp
72	<i>Millettia ichthyotona</i> Drake	Thần mát	Me	M,T,Mp
73	<i>Millettia pachyloba</i> Drake	Mát thùy dày	Lp	M,T,Mp
74	<i>Millettia pulchra</i> (Colebr. ex Benth.) Kurz	Mát rừng	Me	M,Mp
75	<i>Ormosia balansae</i> Drake	Ràng ràng mít	Me	T
76	<i>Ormosia henryi</i> Prain	Ràng ràng henry	Me	M,T
77	<i>Ormosia merrilliana</i> L.	Ràng ràng merril	Me	T
78	<i>Ormosia semicastrata</i> Hance	Ràng ràng lá rải	Me	T
79	<i>Ormosia sumatrana</i> (Miq.) Prain	Ràng ràng sumatra	Mg	T
80	<i>Ormosia xylocarpa</i> Chun ex Merr. et L. Chen	Ràng ràng trái gỗ	Me	T
81	<i>Phylacium majus</i> Collett et Hemsl.	Hóp hép	Hm	T
82	<i>Placolobium ellipticum</i> Khôi et Yakovl.	Ràng ràng bầu dục	Me	T
83	<i>Tephrosia candida</i> (Roxb.) A. DC.	Cốt khí	Ch	M
84	<i>Uraria acuminata</i> Kurz	Hầu vi nhọn	Hm	
85	<i>Uraria lacei</i> Craib	Đuôi chôn lace	Ch	M

**Ghi chú:** Mg: Cây chồi trên rất lớn; Me: cây chồi trên lớn; Mi: cây chồi trên vừa; Na: cây chồi trên lùn; Lp: nhóm cây thân leo; Hp: cây chồi trên thân thảo; Ch: nhóm cây chồi mặt đất; Th: nhóm cây chồi 1 năm; M: Cây làm thuốc; T: Cây lấy gỗ; Mp: Cây có chất độc; F: Cây ăn được; Or : Cây làm cảnh; Mp: cây cho độc; Tn: cây cho tanin; Ps : Cây cho phân xanh.

## 2. Sự phân bố loài trong các chi

Kết quả nghiên cứu đã thống kê được số lượng các chi của họ Đậu (Fabaceae) được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2

**Phân bố số lượng loài trong các chi của họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt**

Số chi	Số loài	Tỷ lệ %
<i>Bauhinia</i>	15	17,65
<i>Dalbergia</i>	8	9,41
<i>Caesalpinia</i>	7	8,24
<i>Millettia, Ormosia</i>	6	7,06
<i>Derris</i>	5	5,88
<i>Desmodium</i>	4	4,71
<i>Archidendron, Crotalaria</i>	3	3,53
<i>Cassia, Senna, Adenanthera, Erythrina, Uraria</i>	2	2,35
<i>Peltophorum, Saraca, Sindora, Tamarindus, Albizia, Enterolobium, Mimosa, Abrus, Apios, Bowringia, Canavalia, Zenia, Dialium, Gleditsia, Lonchocarpus, Phylacium, Placolobium, Tephrosia</i>	1	1,18

Trong số 32 chi ở khu vực nghiên cứu thì số lượng loài trong mỗi chi là không đều nhau, chi *Bauhinia* là đa dạng nhất với 15 loài (17,65%), tiếp đến là chi *Dalbergia* với 8 loài (9,41%), *Caesalpinia* với 7 loài (8,24%), có 2 chi cùng với 6 loài (7,06%) là *Millettia, Ormosia*. Các chi còn lại có từ 1-5 loài.

## 3. Giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt, Nghệ An

Giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt Nghệ An dựa vào các tài liệu của Võ Văn Chi (2012) [4], Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2003) [2],... Có 72 loài chiếm 84,71% tổng số loài trong họ Đậu (Fabaceae) được sử dụng vào các mục đích khác nhau như làm thuốc, cho gỗ, ăn được, làm cảnh, cho độc. Trong đó, 1 loài có thể cho 1 hoặc nhiều giá trị sử dụng khác nhau (bảng 3).

Bảng 3

**Giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt**

TT	Công dụng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhóm cây làm thuốc (M)	53	62,35
2	Nhóm cây cho gỗ (T)	36	42,35
3	Nhóm cây làm cảnh (Or)	6	7,06
4	Nhóm cây ăn được (F)	6	7,06
5	Nhóm cây cho độc (Mp)	5	5,88

Bảng trên cho thấy giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu ở Pù Hoạt cũng khá là đa dạng. Trong đó, cây làm thuốc có số loài nhiều nhất (53 loài chiếm 62,35% tổng số loài); tiếp đến là cây lấy gỗ với 36 loài (chiếm 42,35%); cây làm cảnh và cây ăn được cùng với 6 loài (chiếm 7,06%) và thấp nhất là cây cho độc với 5 loài chiếm 5,88%. Như vậy, tuy số lượng loài nhỏ nhưng giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu ở khu vực nghiên cứu có tính đa dạng cao.

## 4. Đa dạng về dạng sống

Khi phân tích phổ dạng sống của họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt, Nghệ An, dựa trên thang phân loại dạng sống của Raunkiaer (1934) [6] với 8 kiểu dạng sống thuộc 4 nhóm là cây chồi trên (Ph), cây chồi 1 năm (Th) và cây chồi sát đất (Ch), chồi nửa ẩn (Hm) (bảng 5).

Bảng 4

**Thống kê các dạng sống của họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt**

Dạng sống	Mg	Me	Mi	Na	Lp	Hm	Ch	Th	Tổng
Số loài	5	32	10	4	22	3	6	3	85
Tỷ lệ %	5,88	37,65	11,76	4,71	25,88	3,53	7,06	3,53	100

Kết quả bảng trên cho thấy, trong các dạng sống thì nhóm cây chồi lớn (Me) chiếm tỷ lệ lớn nhất với 32 loài (37,65%); tiếp đến là nhóm cây dây leo (Lp) với 22 loài (25,88%); nhóm cây chồi nhỏ (Mi) với 10 loài (11,76%), các nhóm cây chồi khác chiếm từ 3,5%-7,6%. Như vậy, họ Đậu nói chung và khu vực nghiên cứu nói riêng thì dạng sống chủ yếu là cây chồi lớn (Me) và thân leo (Lp) điều này cũng phù hợp với đặc điểm dạng thân của họ này.

Phổ dạng sống của họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt là:  $SB = 85,88Ph + 7,06Ch + 3,53Hm + 3,53Th$ .

### III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 85 loài họ Đậu thuộc 32 chi, 3 phân họ ở Khu BTTN Pù Hoạt, Nghệ An. Các chi được tìm thấy có từ 1-15 loài, chi giàu loài nhất là *Bauhinia*, *Dalbergia*, *Caesalpinia*.

Giá trị sử dụng của họ Đậu ở Pù hoạt có 5 nhóm chính, cây làm thuốc với 53 loài, cây cho gỗ với 36 loài, cây làm cảnh và cây ăn được cùng với 6 loài và cây cho độc với 5 loài.

Phổ dạng sống của họ Đậu ở Khu BTTN Pù Hoạt là:  $SB = 85,88Ph + 7,06Ch + 3,53Hm + 3,53Th$ .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bân, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) và cs, 2003. Họ Đậu (Fabaceae) trong Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. R.K. Brummitt, 1992. Vascular plant families and genera, Royal Botanic Garden, Kew.
4. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1-2, Nxb. Y học, Hà Nội
5. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Quyển 1, Nxb. Trẻ, TP HCM.
6. Raunkiaer C., 1934. Plant life forms, Claredon, Oxford.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

### DIVERSITY OF THE FAMILY FABACEAE IN PU HOAT NATURAL RESERVE, NGHE AN PROVINCE

Pham Hong Ban, Nguyen Danh Hung

### SUMMARY

This paper presents results of research on family Fabaceae in Pu Hoat Nature Reserve in Nghe An province. 85 species belonging to 32 genera of Fabaceae were collected and identified. *Bauhinia*, *Dalbergia* and *Caesalpinia* were found to be the richest genera. The number of useful plant species within the family Fabaceae is categorized as follows: 53 species as medicinal plants, 36 species as timber plants, 6 species for food and food stuffs, 6 species as ornamental and 5 species as poisonous. The Spectrum of Biology (SB) of the Fabaceae in Pu Hoat is summarized, as follows:  $SB = 85.88Ph + 7.06Ch + 3.53Hm + 3.53Th$ .